

“ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CHO PHÉP NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐẢ ĐÁP ỨNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP”

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG (SACOM)

(Thành lập năm 1998 theo giấy phép số 75/1998/QĐ-TCCB do Tổng cục Bưu Điện cấp ngày 07 tháng 02 năm 1998)

### PHÁT HÀNH BỔ SUNG CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy phép phát hành số..... /GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..... tháng ..... năm 2002)

Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp tại:

**1. Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông**

- Khu công nghiệp Biên Hoà I – Đồng Nai

**2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông**

- 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

- Lầu 1, 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội**

- Lầu 1, 23 Phan Chu Trinh, Thành phố Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Thị Lợi  
Chức vụ: Kế toán trưởng  
Số điện thoại: (84-8) 5122 918

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG  
(SACOM)**

*(Thành lập năm 1998 theo giấy phép số 75/1998/QĐ-TCCB do Tổng cục Bưu Điện cấp  
ngày 07 tháng 02 năm 1998)*

**PHÁT HÀNH BỔ SUNG CỔ PHIẾU  
RA CÔNG CHÚNG**

<b>Tên cổ phiếu</b>	: Cổ phiếu phổ thông
<b>Mệnh giá</b>	: 10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Tổng số lượng niêm yết bổ sung</b>	: 6.000.000 cổ phiếu
<b>Tổng giá trị niêm yết bổ sung</b>	: 60.000.000.000 đồng

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

- ❖ Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán Sài Gòn (AFC)  
Địa chỉ: 138 Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08- 8223437 Fax: 08- 8243365

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

- ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)  
Địa chỉ: Lầu 1, 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84.8) 8218 567 Fax: (84.8) 8294 123  
E-mail: [ssi@saigonsecurities.com](mailto:ssi@saigonsecurities.com) Website: [www.saigonsecurities.com](http://www.saigonsecurities.com)

# MỤC LỤC

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b>	<b>1</b>
1. Tổ chức phát hành	1
2. Tổ chức tư vấn	1
<b>II. TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ LẠI</b>	<b>2</b>
1. Giới thiệu về tổ chức phát hành	2
2. Thị trường	5
3. Chiến lược kinh doanh và kế hoạch kinh doanh	6
4. Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất	6
5. Chứng khoán phát hành bổ sung	7
<b>III. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH</b>	<b>8</b>
1. Rủi ro kinh tế	8
2. Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh	9
3. Rủi ro về luật pháp	9
4. Rủi ro khác	9
<b>IV. CÁC KHÁI NIỆM</b>	<b>10</b>
<b>V. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC PHÁT HÀNH BỔ SUNG</b>	<b>11</b>
<b>VI. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH BỔ SUNG</b>	<b>12</b>
<b>VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH</b>	<b>14</b>
1. Tổ chức kiểm toán	14
2. Tổ chức tư vấn	14
<b>VIII. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b>	<b>15</b>
1. Quá trình hình thành và phát triển	15
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý và điều hành	17
3.1. Nhóm quản lý và điều hành	17
3.2. Nhóm tác nghiệp	18
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	21
5. Hoạt động kinh doanh	21
5.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm	21
5.2. Chứng loại và chất lượng sản phẩm	22
5.3. Nguyên vật liệu	23
5.4. Máy móc, trang thiết bị	24
5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh	26
5.6. Quy trình sản xuất sản phẩm	26
5.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển	27
5.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	27
5.9. Hoạt động marketing	27

5.10. Biểu tượng (lô-gô) và nhãn hiệu thương mại của Công ty	28
5.11. Thị phần vào đối thủ cạnh tranh	28
5.12. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện	28
<b>6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất</b>	<b>29</b>
<b>7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</b>	<b>30</b>
<b>8. Chính sách đối với người lao động</b>	<b>30</b>
<b>9. Chính sách cổ tức</b>	<b>30</b>
<b>10. Tình hình hoạt động tài chính</b>	<b>31</b>
10.1 Các chỉ tiêu cơ bản	31
10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	32
<b>11. Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành</b>	<b>33</b>
11.1 Ông Phạm Chương:	33
11.2 Ông Lê Ngọc Sỹ	34
11.3 Ông Đỗ Văn Trắc	34
11.4 Ông Vũ Đức Luận	35
11.5 Ông Hoàng Văn Quyền	36
11.6 Ông Ngô Quang Thạch	37
11.7 Bà Phan Đình Phương Anh	38
11.8 Ông Nguyễn Quốc Gia	38
11.9 Ông Tô Văn Thu	39
11.10 Ông Cao Văn Ích	40
11.11 Ông Phạm Ngọc Cầu	41
11.12 Bà Phạm Thị Lợi	42
<b>12. Tài sản</b>	<b>43</b>
<b>13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 3 năm tới</b>	<b>44</b>
<b>14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn của Công ty</b>	<b>45</b>
14.1 Kế hoạch kinh doanh ngắn hạn	45
14.2 Kế hoạch kinh doanh dài hạn	45
<b>15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành</b>	<b>46</b>
<b>VIII. PHỤ LỤC</b>	<b>47</b>

## I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành

- Ông : Phạm Chương Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông : Đỗ Văn Trắc Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà : Phạm Thị Lợi Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty và các chi nhánh của Công ty cũng như đánh giá về các quyền kèm theo chứng khoán phát hành.

### 2. Tổ chức tư vấn

- Ông Trần Quyết Thắng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ xin phép phát hành bổ sung do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

## II. TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ LẠI

### 1. Giới thiệu về tổ chức phát hành

- Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông (Công ty) là nhà sản xuất cáp viễn thông hàng đầu tại Việt Nam. Trong năm 2001, tổng doanh thu của Công ty đạt trên 168 tỷ (tương ứng với sản lượng hàng bán khoảng 597.000 km đôi dây): chiếm khoảng 28% thị phần cáp đồng dùng trong viễn thông của cả nước.

Công ty có 4 xí nghiệp thành viên với tổng giá trị tài sản hiện nay trên 221 tỷ đồng. Hiệu quả sản xuất của Công ty qua các năm vừa qua luôn được duy trì ổn định. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của Công ty từ khi thành lập đến nay luôn ở mức trên 20%. Trong năm 2001, lợi nhuận của Công ty đạt trên 34,8 tỷ, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu là 20,76%.

### *Quá trình cổ phần hoá, thành lập và niêm yết*

- Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Cấp và Vật liệu Viễn thông (Sacom) trực thuộc Tổng cục Bưu điện. Giấy phép thành lập của Công ty số 75/1998/QĐ-TCCB do Tổng cục Bưu điện cấp ngày 07/02/1998, sau khi phương án cổ phần hóa Nhà máy Cấp và Vật liệu Viễn thông (Sacom) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định 955/1997/TTg ngày 11/11/1997,
- Công ty tiến hành đăng ký kinh doanh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059162 vào ngày 30/03/1998. Phạm vi kinh doanh của Công ty bao gồm:
  - Sản xuất, kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu dân dụng;
  - Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Sản phẩm chính của Công ty là các loại dây cáp đồng dùng trong ngành viễn thông.

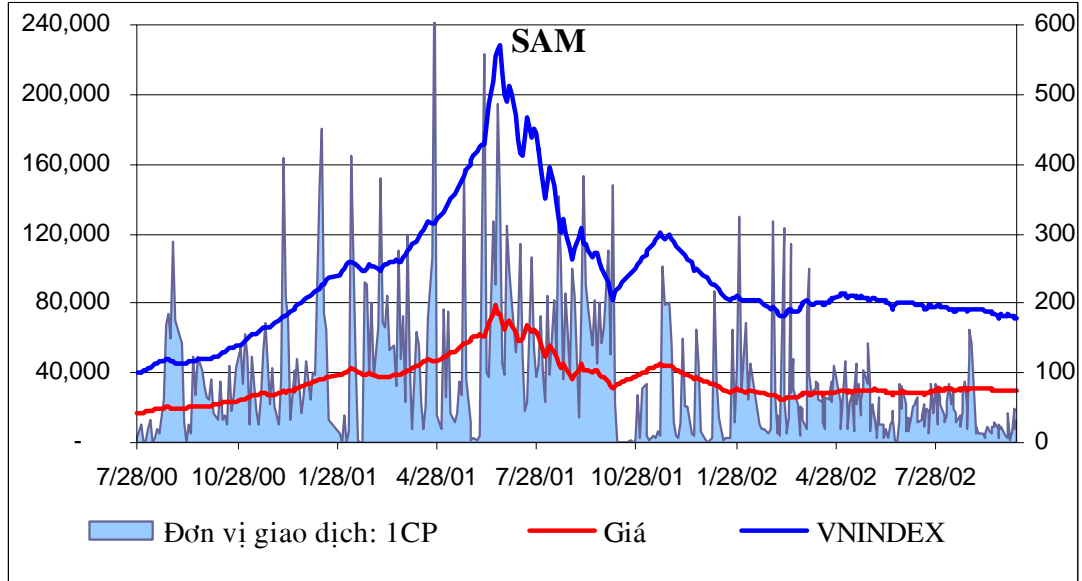
- Sau hơn hai năm thành lập theo hình thức cổ phần hoá, ngày 02/06/2000, Công ty nhận Giấy phép niêm yết số 02/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trở thành một trong hai công ty đầu tiên được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

### *Vốn điều lệ, chứng khoán phát hành và cơ cấu sở hữu*

- Vốn điều lệ của Công ty từ khi thành lập đến nay là 120.000.000.000 đồng (một trăm, hai mươi tỷ đồng), được chia thành 12.000.000 (mười hai triệu) cổ phần phổ thông. Mệnh giá mỗi cổ phần phổ thông là 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

Toàn bộ cổ phần của Công ty đều đã được phát hành và được phép niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Mã giao dịch của cổ phiếu Công ty là SAM. Giá trị giao dịch của cổ phiếu SAM chiếm trên 28% tổng giá trị giao dịch của thị trường tính từ khi mở cửa thị trường chứng khoán đến nay.

**Đồ thị 1 – Diễn biến giao dịch của cổ phiếu Công ty**



- Tại thời điểm ngày 16/09/2002, Công ty có trên 1530 cổ đông. Cơ cấu sở hữu tóm tắt như sau:

**Bảng 1 – Cơ cấu sở hữu tại thời điểm ngày 16/09/2002**

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ giữ quyền biểu quyết (%)
1	Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Bưu Chính Viễn thông Việt nam)	1	5.880.000	49,00	50,60
2	Cá nhân trong nước	1506	3.755.860	31,03	32,32
3	Cá nhân nước ngoài	5	69.400	0,58	0,60
4	Tổ chức trong nước	23	1.163.750	9,70	10,02
5	Tổ chức nước ngoài	1	696.000	5,80	5,99
6	Chưa xác nhận sở hữu hoặc chưa lưu ký		54.990	0,46	0,47
7	Cổ phiếu ngân quỹ		380.000	3,16	0,00
	<b>Tổng cộng</b>		<b>12.000.000</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

- Hội đồng Quản trị của Công ty gồm 7 thành viên. Trong đó 5 thành viên là những người đang nắm giữ các vị trí quản lý cao cấp trong ngành Bưu chính Viễn Thông, có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và hiểu hoạt động của ngành. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty hiện nay là Ông Phạm Chương.
- Ban điều hành của Công ty gồm 3 thành viên, là những người có kinh nghiệm điều hành kinh doanh và đồng thời có quá trình gắn bó với Công ty trên 10 năm. Tổng giám đốc hiện nay là Ông Đỗ Văn Trắc; Phó tổng giám đốc là Ông Phạm Ngọc Cầu; Kế toán trưởng là Bà Phạm Thị Lợi.

**Các tên gọi**

- Theo Giấy phép thành lập và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có các tên gọi như sau:
  - Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt là  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
  - Tên gọi tắt bằng tiếng Việt là  
CÔNG TY CỔ PHẦN SACOM
  - Tên giao dịch đối ngoại là  
CABLES AND TELECOMMUNICATIONS MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
  - Tên giao dịch viết tắt là  
SACOM

**Trụ sở chính và Văn phòng giao dịch**

- Công ty đặt trụ sở chính tại khu Công nghiệp Biên Hoà I, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
  - Điện thoại: (84-61) 836350 – 836048 - 836447
  - Fax: (84-61) 836 119
  - Email: sacom@hcm.vnn.vn
- Văn phòng giao dịch của Công ty đặt tại số 152/11B đường Điện Biên Phủ – Phường 25 – Quận Bình Thạnh – Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại: (84-8) 5122 919 – 5122 918 – 5122 917
  - Fax: (84-8) 5122 920

### ***Biểu tượng Công ty***

- Biểu tượng của Công ty có ba màu: đỏ, xanh và trắng; thể hiện tên giao dịch viết tắt Công ty và sản phẩm của Công ty. Biểu tượng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 1940/QĐ NH ngày 13/08/1998 do Phó Cục Trưởng Cục sở hữu công nghiệp cấp.

### ***Nguồn nhân lực***

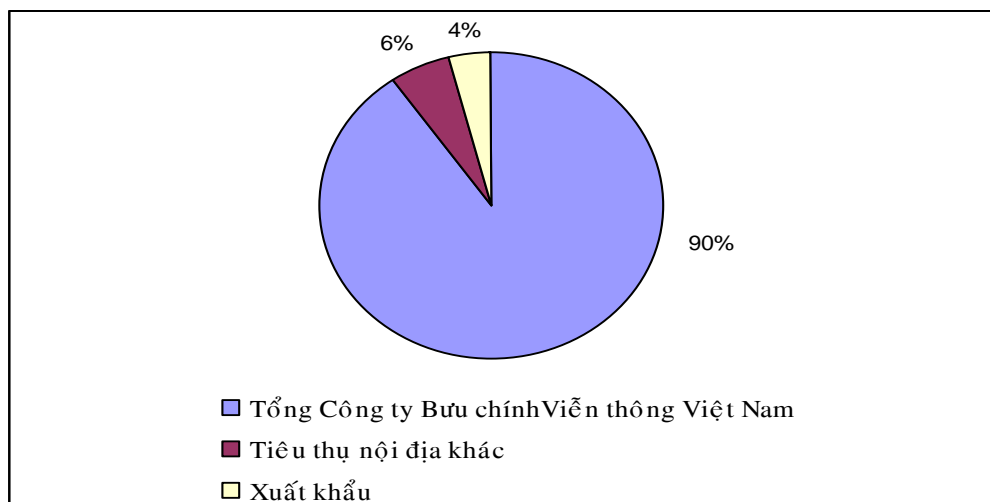
- Công ty hiện có 189 nhân viên, trong đó nhân viên quản lý là 63. Nhân viên có trình độ đại học và trên đại học: 64 người; trình độ cao đẳng: 10 người; trình độ trung cấp: 23 người; trình độ khác: 92 người.  
Mức lương trung bình của mỗi nhân viên hiện nay trên 2,6 triệu đồng/người/tháng.

## **2. Thị trường**

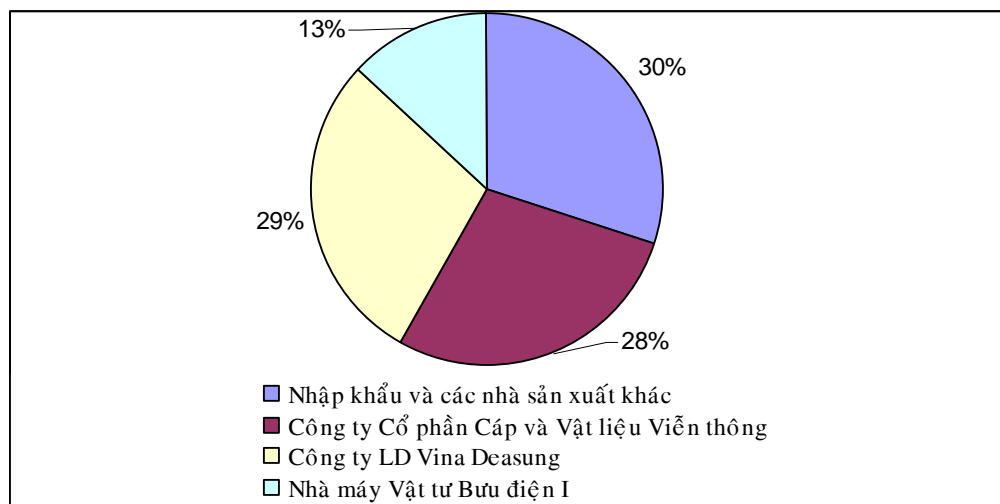
- Thị trường cáp đồng dùng trong viễn thông Việt Nam năm 2001 có độ lớn khoảng từ 600 tỷ đồng đến 650 tỷ đồng; tương đương sản lượng sản phẩm tiêu thụ từ 2.200.000 km đôi dây đến 2.500.000 km đôi dây. Dự kiến trong các năm tới, tốc độ tăng trưởng của thị trường ở mức 5%/năm.
- Cơ cấu của thị trường có thể hình dung như sau:

### ***Cơ cấu của khách hàng tiêu thụ sản phẩm***

**Biểu đồ 1 – Cơ cấu nhu cầu của thị trường**



### ***Cơ cấu của các nguồn cung***

**Biểu đồ 2 – Cơ cấu các nguồn cung của thị trường**

### 3. Chiến lược kinh doanh và kế hoạch kinh doanh

- Định hướng trở thành công ty đứng đầu về cáp và vật liệu viễn thông tại Việt Nam và tiến tới thâm nhập thị trường trong khu vực, Công ty đề ra chiến lược và kế hoạch kinh doanh như sau:

- Đầu tư thêm dây chuyền sản xuất cáp để có thể khai thác hết tiềm năng thị trường hiện nay. Khấu hao nhanh máy móc trang thiết bị và tăng cường hiệu quả sản xuất để khi mở cửa thị trường có thể cạnh tranh bằng giá và thu lợi nhuận theo quy mô sản xuất lớn.
- Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới: cáp mạng LAN, các sản phẩm composit, vật liệu viễn thông ...vv trong ngành viễn thông để đón đầu khi thị trường trong nước phát triển trong tương lai.
- Phát triển đầu tư tài chính trong các doanh nghiệp thuộc ngành viễn thông.

### 4. Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

**Bảng 2 – Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất**

Đơn vị tính: 1000 VNĐ

Stt	Danh mục	Năm 2000	Năm 2001	9 tháng 2002
1	Tổng giá trị tài sản	164.697.961	183.132.094	221.849.506
2	Doanh thu thuần	117.359.898	167.167.796	182.930.799
3	Lợi nhuận trước thuế	29.651.030	34.826.035.438	43.951.826
4	Lợi nhuận sau thuế	29.556.632	34.826.035.438	43.951.826
5	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60%	55%	***

\*\*\*: Công ty chưa có quyết định chính thức về tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2002

**5. Chứng khoán phát hành bổ sung**

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: SAM
- Số lượng chứng khoán phát hành bổ sung: 6.000.000 cổ phiếu (sáu triệu cổ phiếu)
- Mệnh giá: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)
- Hình thức phát hành: Sử dụng lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính để tài trợ việc phát hành cổ phiếu bổ sung cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ 2 cổ phiếu cũ nhận thêm 1 cổ phiếu mới thông qua các công ty Chứng khoán (nếu là cổ đông đã lưu ký) và trực tiếp tại Công ty (đối với những cổ đông chưa lưu ký).
- Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ của Công ty
- Dự kiến cổ tức: 15% -16% mệnh giá /năm

### III. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

- Công ty xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả các loại cổ phiếu do Công ty phát hành khi các nhà đầu tư xem xét việc đầu tư vào Công ty.

Các nhân tố rủi ro bao gồm:

#### 1. Rủi ro kinh tế

- Các kế hoạch, phương án kinh doanh của Công ty được xây dựng trên cơ sở giả định là kinh tế của Việt Nam tăng trưởng ổn định. Vì vậy khi có biến động trong việc phát triển kinh tế của Việt Nam, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có thể bị thay đổi. Các biến động có thể bắt nguồn từ sự thay đổi trong đầu tư nước ngoài, trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc chính sách phát triển kinh tế của địa phương...vv

Biến động trong việc phát triển kinh tế sẽ làm thay đổi yêu cầu phát triển mạng lưới viễn thông của đất nước và từ đó kéo theo sự thay đổi trong yêu cầu về lượng cáp đồng tiêu thụ cho mạng viễn thông. Khi tổng mức tiêu thụ cáp tăng lên thì doanh thu của Công ty có thể sẽ tăng theo và ngược lại.

Biến động trong việc phát triển kinh tế cũng có thể sẽ làm ảnh hưởng tới tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh, từ đó ảnh hưởng tới việc thu mua nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Phần lớn các nguyên vật liệu của Công ty hiện hay có nguồn từ nhập khẩu.

- Ngoài sự ảnh hưởng chính của kết quả hoạt động kinh doanh, giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường bị ảnh hưởng bởi những yếu tố rủi ro hệ thống của nền kinh tế bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát...vv

Sự ổn định và mức độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia là những nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư chung của xã hội và việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Khi nền kinh tế kém ổn định, nhu cầu đầu tư dài hạn sẽ thấp làm cho giá cả chứng khoán nói chung không ổn định. Ngược lại, khi nền kinh tế phát triển ổn định thì nhu cầu đầu tư chứng khoán dài hạn sẽ cao và làm ổn định giá cả chứng khoán nói chung.

Tốc độ phát triển kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đang hồi phục sau cuộc khủng hoảng khu vực 1997-1998. Tuy nhiên, sự phát triển của kinh tế Việt Nam chưa thật sự ổn định. Đặc biệt nếu xét trong bối cảnh Việt Nam sẽ phải thực hiện Hiệp định thương mại với Mỹ và gia nhập AFTA. Do đó, nhu cầu đầu tư vẫn có những biến động.

- Sự thay đổi lãi suất tiền gửi ngân hàng cũng có những tác động trực tiếp đến giá cả chứng khoán do đây cũng là một kênh thu hút vốn để nhà đầu tư có thể chọn lựa. Khi

lãi suất tiền gửi tăng sẽ xảy ra xu hướng rút tiền từ các loại hình đầu tư có rủi ro cao hơn như đầu tư chứng khoán để gửi vào ngân hàng và ngược lại.

- Đối với sự thay đổi về chỉ số lạm phát và tỷ giá hối đoái, những tác động tương tự lên giá chứng khoán sẽ diễn ra như nhà đầu tư sẽ mua ngoại tệ gửi tiết kiệm để tránh đồng tiền nội tệ giảm giá...v.v.

## **2. Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh**

- Như đã trình bày về cơ cấu của các khách hàng tiêu thụ, khoảng 90% như cầu cấp đồng du(ng trong viễn thông của thị trường là từ Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Nay là Bộ Bưu chính Viễn thông). Với tỷ lệ khống chế của người mua như vậy, thị trường cấp đồng dùng trong viễn thông Việt Nam chưa có đủ các yếu tố của một thị trường cạnh tranh hoàn hảo.

Các nỗ lực của Công ty trong kinh doanh có thể không đem lại những kết quả tương xứng khi có những thay đổi trong chính sách mua hàng của người mua.

## **3. Rủi ro về luật pháp**

- Về chuyên ngành, việc thành lập Bộ Bưu chính Viễn thông theo quyết định của kỳ họp Quốc hội vừa qua sẽ có những ảnh hưởng nhất định tới tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty không tiên liệu được những thay đổi trong cơ chế quản lý nhà nước về chuyên ngành và các chính sách liên quan có thể có trong tương lai.
- Về thị trường chứng khoán, việc niêm yết và huy động trên thị trường chứng khoán là những lĩnh vực còn rất mới mẻ. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện. Do đó việc sửa đổi, chỉnh sửa các quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước là tất yếu và sẽ có tác động đến các loại cổ phiếu đang được giao dịch trên thị trường. Cụ thể là các quy định về thuế thu nhập khi đầu tư chứng khoán, công bố thông tin về hoạt động kinh doanh của Công ty, biên độ giá giao dịch của cổ phiếu, khối lượng mua bán ...vv

## **4. Rủi ro khác**

- Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

#### **IV. CÁC KHÁI NIỆM**

- Trong giới hạn của Bản cáo bạch này, những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu hoặc có thể gây hiểu lầm được định nghĩa hay giải thích cụ thể như sau:
  - Nghị định 48/CP: Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ban hành ngày 11/07/1998 của Chính phủ về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.
  - UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
  - TTGDCK: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Công ty: Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông
  - Sacom: Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông

## V. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC PHÁT HÀNH BỔ SUNG

### *Mục tiêu*

- Đợt phát hành bổ sung này thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường của Công ty lập ngày 16 tháng 10 năm 2002 về việc tăng vốn Điều lệ của Công ty từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng từ lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển sản xuất và quỹ dự phòng tài chính.
- Đợt phát hành bổ sung gia tăng vốn điều lệ này là bước đầu tiên trong kế hoạch dài hạn nâng cao giá trị doanh nghiệp đang được xây dựng của Công ty. Mục tiêu của đợt phát hành bao gồm:
  - Nâng cao trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý và khai thác tối ưu nguồn vốn cổ đông;
  - Mở rộng các phương án lựa chọn trong việc huy động vốn cho các dự án đầu tư lớn trong tương lai;
  - Phản ánh quy mô hoạt động của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tham gia đấu thầu các dự án lớn, các dự án có yếu tố nước ngoài;
  - ...v.v.

### *Nguồn lực tài chính*

- Về mặt nguồn tài chính, Công ty đã có nguồn vốn tích lũy đủ lớn để tài trợ cho việc tăng vốn Điều lệ và phát hành bổ sung cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Số lượng vốn điều lệ tăng thêm của Công ty được tài trợ bằng lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển và một phần của quỹ dự phòng tài chính như trình bày trong bảng sau đây:

**Bảng 3 – Nguồn tài trợ cho đợt phát hành**

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>Khối lượng vốn điều lệ tăng thêm: 60 tỷ</b>		
Lợi nhuận chưa phân phối	27	45%
Quỹ đầu tư phát triển	30	50%
Quỹ dự phòng tài chính	3	5%
<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	<b>100%</b>

- Chi tiết cụ thể của các nguồn tài trợ của Công ty được trình bày trong Báo cáo nguồn vốn kinh doanh đã được kiểm toán đính kèm.

## VI. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH BỔ SUNG

### *Chứng khoán phát hành bổ sung*

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: SAM
- Mệnh giá: 10.000 đồng Việt Nam.
- Tổng số chứng khoán phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung: 6.000.000 (sáu triệu) cổ phiếu.
- Phương pháp tính giá: Xác định lại giá tham chiếu vào ngày giao dịch cổ phiếu không hưởng quyền.
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: việc phát hành bổ sung cổ phiếu sẽ không làm thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài trong Công ty. Ngày 16/09/2002, tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty là 6,4%.

### *Phương thức phân phối*

- Cổ phiếu phát hành bổ sung sẽ được phân phối cho các cổ đông theo danh sách cổ đông được chốt, mỗi cổ đông sở hữu 2 (hai) cổ phiếu cũ sẽ được nhận 1 (một) cổ phiếu mới.
- Cổ phiếu lẻ (nếu có, phát sinh từ số dư số cổ phiếu do từng cổ đông sở hữu không chia hết cho 2) dự kiến sẽ giữ lại làm cổ phiếu ngân quỹ.
- Đối với cổ đông lưu ký: cổ phiếu phát hành bổ sung sẽ được phân phối thông qua các thành viên lưu ký.

Đối với cổ đông chưa lưu ký: phân phối tại trụ sở Công ty theo hình thức ghi sổ.

### *Lịch trình thực hiện*

- Đăng ký thay đổi nội dung Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (tăng vốn Điều lệ) theo Luật Doanh nghiệp.
- Công bố báo chí: Trong thời hạn 5 ngày làm việc sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức cấp phép, tổ chức phát hành sẽ công bố việc phát hành bổ sung cổ phiếu trên 5 số báo ngày liên tiếp:
  - Báo Trung ương: Nhân dân
  - Báo Địa phương: Báo Sài Gòn Giải Phóng
  - Báo chuyên ngành: Tin Thị trường Chứng khoán của TTGDCK  
Báo Đầu tư Chứng khoán.
- Thông báo TTGDCK Tp. Hồ Chí Minh (Dự kiến ngày thông báo là ngày sau khi nhận được giấy phép chính thức)

- Ngày chốt danh sách cổ đông là ngày: .....
- Ngày thực hiện phát hành cổ phiếu mới là ngày: .....
- Nộp đơn đăng ký niêm yết bổ sung cho TTGDCK Tp. Hồ Chí Minh (dự kiến ngày nộp là ngay sau khi nhận được giấy phép chính thức).
- Phát hành cổ phiếu:
  - Cổ phiếu đã lưu ký tại các công ty Chứng khoán và tổ chức lưu ký:
  - Từ ngày ..... đến ngày ....., các thành viên lưu ký gửi danh sách phân bổ cổ phiếu mới cho TTGDCK.
  - Ngày ..... TTGDCK xác nhận và gửi danh sách cổ đông mới cho tổ chức phát hành.
  - Ngày ..... tổ chức phát hành xác nhận và lập danh sách cổ đông mới gửi cho TTGDCK.
  - Ngày ..... TTGDCK xác nhận và gửi danh sách phân bổ.
  - Cổ phiếu chưa lưu ký: Ngày ..... tổ chức phát hành xác nhận và phân bổ cổ phiếu mới cho các cổ đông dưới dạng ghi sổ.
- Kết thúc đợt phát hành và thông báo kết quả cho UBCKNN.

## VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

### 1. Tổ chức kiểm toán

- Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Sài Gòn (AFC Saigon)

Địa chỉ : 138 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (848) 8223437

Fax: (848) 8243365

### 2. Tổ chức tư vấn

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Địa chỉ : Lầu 1, 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8218 567

Fax: (84.8) 8294 123

E-mail : [ssi@saigonsecurities.com](mailto:ssi@saigonsecurities.com)

Website: [www.saigonsecurities.com](http://www.saigonsecurities.com)

## VIII. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

### 1. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty có tiền thân là Nhà máy Cáp và Vật liệu Viễn thông (Sacom), một doanh nghiệp nhà nước thành lập vào năm 1986 theo quyết định số 28/QĐ/TCCB của Tổng cục Bưu điện. Việc cổ phần hóa Nhà máy Cáp và Vật liệu Viễn thông (Sacom) theo quyết định số 955/1997/QĐ-TTg ngày 11/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định số 75/1998/QĐ-TCCB ngày 07/02/1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện đã thành lập lên Công ty hiện nay.

- Theo các quyết định thành lập, Công ty có các tên gọi như sau

Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt là

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG**

Tên gọi tắt bằng tiếng Việt là

**CÔNG TY CỔ PHẦN SACOM**

Tên giao dịch đối ngoại là

**CABLES AND TELECOMMUNICATIONS MATERIAL JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch viết tắt là

**SACOM**

- Ngay sau khi thành lập, Công ty tiến hành đăng ký kinh doanh tại Sở kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai và được Sở kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059162 vào ngày 30/03/1998. Các kinh doanh mà Công ty đăng ký bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu dân dụng;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Mã số thuế của Công ty là 36 00253537-1. Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

- Số hiệu tài khoản tiền đồng: 007.100.001696.6
- Số hiệu tài khoản ngoại tệ: 007.137.009772.9

Và mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

- Số hiệu tài khoản tiền đồng: 4311.30.00.0074

- Hết năm 1999, qua hai năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã có những bước phát triển đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trở thành một trong những điển hình thành công của chính sách cổ phần hóa. Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều tăng trưởng với mức cao. Tổng doanh thu năm 1999 là 117,2 tỷ tăng 66,7% so với năm 1998, tăng 111,5 % so với năm 1997. Lợi nhuận sau thuế năm 1999 là 25.5 tỷ tăng 54,5% so với năm 1998.
- Năm 2000, nhằm gia tăng giá trị cho Công ty và mang lại lợi ích nhiều hơn nữa cho các cổ đông, Công ty là một trong những công ty đầu tiên xúc tiến việc niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tháng 06/2000, Công ty vinh dự nhận Giấy phép niêm yết số 02/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trở thành một trong hai công ty được niêm yết đầu tiên trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Trong năm 2001 và năm 2002, doanh thu và lợi nhuận của Công ty tiếp tục ngày càng được nâng cao. Doanh thu năm 2001 của Công ty đạt trên 168 tỷ, tăng hơn 40% so với năm 2000. Lợi nhuận năm 2001 của Công ty đạt trên 34,8 tỷ tăng hơn 17% so với năm 2000. Doanh thu 9 tháng đầu năm 2002 đạt trên 184,6 tỷ vượt hơn doanh thu của cả năm 2001 10%; lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2002 đạt trên 43,9 tỷ vượt hơn lợi nhuận của cả năm 2001 26%.

Sự tăng trưởng liên tục của doanh thu và lợi nhuận này đã làm cho cổ phiếu SAM do Công ty phát hành luôn là một cổ phiếu được nhiều nhà đầu tư quan tâm, kể cả những nhà đầu tư nước ngoài<sup>1</sup>. Giá trị giao dịch cổ phiếu SAM của Công ty chiếm trên 28% tổng giá trị giao dịch của toàn thị trường (tính từ khi mở cửa thị trường chứng khoán).

- Chuẩn bị cho giai đoạn 2003 -2005 sắp tới, Công ty sẽ nỗ lực duy trì sự tăng trưởng. Ngoài việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đợt phát hành cổ phiếu bổ sung này cũng là một trong những bước đầu quan trọng trong định hướng lâu dài gia tăng giá trị công ty.

## **2. Cơ cấu tổ chức Công ty**

- Cơ cấu tổ chức Công ty hiện nay bao gồm:
  - Trụ sở Công ty;
  - Văn phòng giao dịch;
  - Xí nghiệp cáp
  - Xí nghiệp bao bì
  - Xí nghiệp nấu đúc và cán kéo đồng

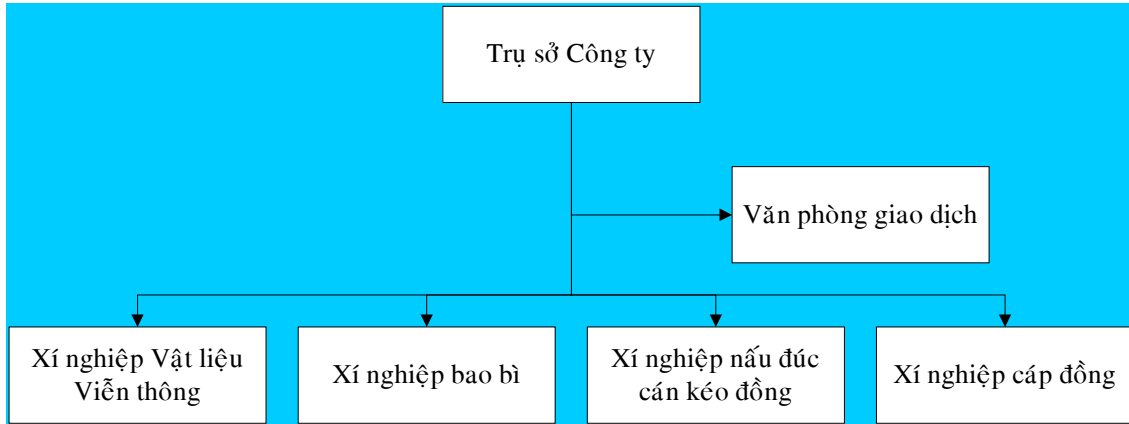
---

<sup>1</sup> Các nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phiếu SAM do Công ty phát hành từ tháng 4 năm 2002.

- Xí nghiệp vật liệu viễn thông

Theo sơ đồ như sau:

**Hình 1 – Cơ cấu tổ chức Công ty**



- Trụ sở của Công ty và Xí nghiệp cáp đồng được đặt tại khu Công nghiệp Biên Hoà I, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai:
  - Số điện thoại: (84-61) 836350 – 836048 - 836447;
  - Số fax: (84-61) 836119
- Xí nghiệp nấu đúc và cán kéo đồng, Xí nghiệp bao bì và Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông đặt tại Tân Vạn, xã Thuận An, huyện Bình An, tỉnh Bình Dương.
- Văn phòng giao dịch của Công ty đặt tại số 152/11B, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:
  - Số điện thoại: (84-8) 5122 919 – 5122 918 – 5122 917
  - Số fax: (84-8) 5122 920

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý và điều hành

- Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần và chia làm hai nhóm chính như sau:

#### 3.1. Nhóm quản lý và điều hành

##### ***Đại hội Cổ đông***

- Đại hội Cổ đông (ĐHCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

##### ***Hội đồng Quản trị***

- Hội đồng Quản trị (HĐQT) là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 7 thành viên với nhiệm kỳ là 3 (ba) năm. Các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu ra một Chủ tịch và một phó Chủ tịch HĐQT.

Trong 7 thành viên của HĐQT hiện nay có 5 thành viên là những người đang nắm giữ các vị trí quản lý cao cấp trong ngành Bưu chính Viễn Thông, có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và hiểu hoạt động của ngành. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty hiện nay là Ông Phạm Chương.

#### ***Ban kiểm soát***

- Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban kiểm soát gồm từ 3 đến năm thành viên với nhiệm kỳ là 3 (ba) năm do ĐHCĐ bầu ra. Các thành viên Ban kiểm soát nhóm họp và bầu ra Đại diện Ban kiểm soát.

Đại diện Ban kiểm soát hiện nay là Ông Nguyễn Quốc Gia.

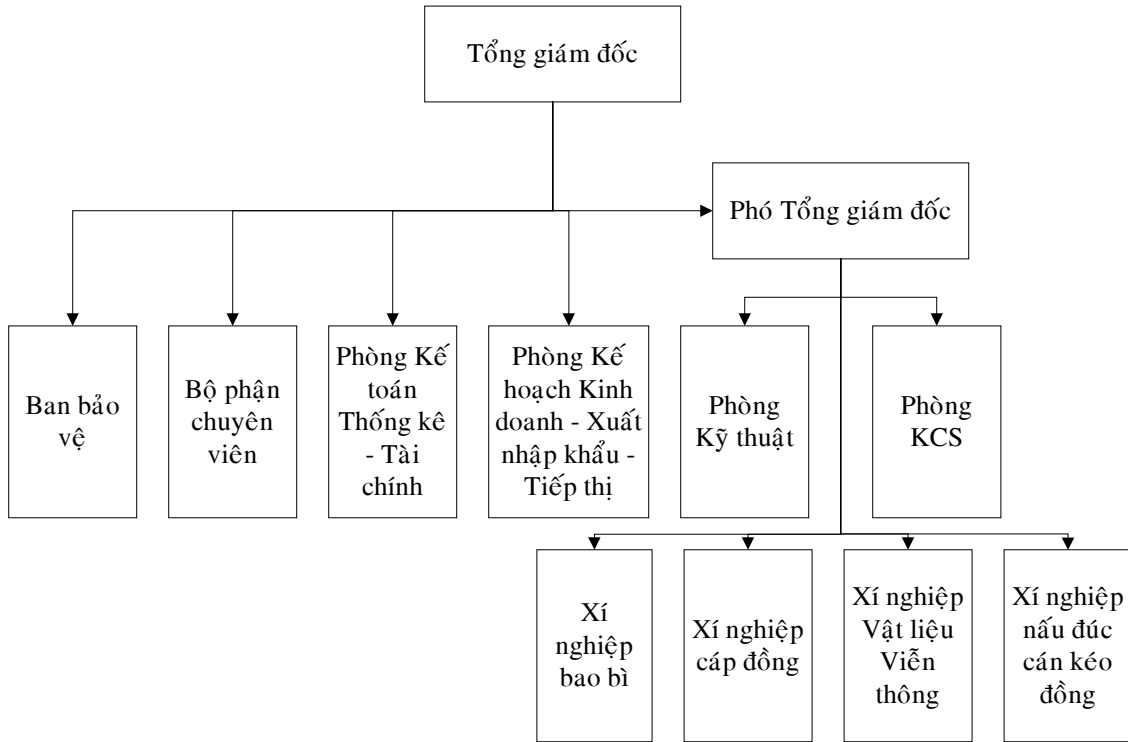
#### ***Ban điều hành***

- Ban điều hành của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc, một Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm (hoặc tuyển dụng), là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm (hoặc tuyển dụng) theo đề xuất của Tổng Giám đốc

Ban điều hành hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm điều hành kinh doanh và đồng thời có quá trình gắn bó với Công ty trên 10 năm. Tổng giám đốc là Ông Đỗ Văn Trắc; Phó tổng giám đốc là Ông Phạm Ngọc Cầu; Kế toán trưởng là Bà Phạm Thị Lợi.

### **3.2. Nhóm tác nghiệp**

- Nhóm tác nghiệp bao gồm các phòng ban, đơn vị chức năng được tổ chức như trong hình sau:

**Hình 2 – Bộ máy tác nghiệp của Công ty**

- Tổng giám đốc trực tiếp quản lý điều hành hoạt động các bộ phận:
  - Phòng Kế toán Thống kê – Tài Chính;
  - Phòng Kế hoạch Kinh doanh – Xuất nhập khẩu – Tiếp thị;
  - Bộ phận chuyên viên; và
  - Ban bảo vệ.
- Tổng giám đốc phân công trách nhiệm cho Phó Tổng giám đốc quản lý điều hành hoạt động các bộ phận:
  - Phòng kỹ thuật;
  - Phòng KCS;
  - Xí nghiệp bao bì;
  - Xí nghiệp cấp đồng;
  - Xí nghiệp nấu đúc và cán kéo đồng; và
  - Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông.

#### ***Phòng Kế toán Thống kê – Tài chính***

- Phòng Kế toán Thống kê –Tài chính có trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán, quản lý tài chính của Công ty, lập sổ sách, hạch toán, báo cáo số liệu kế toán, tình hình tài chính cho Ban điều hành và Hội đồng Quản trị.

**Phòng Kế hoạch Kinh doanh – Xuất nhập khẩu – Tiếp thị**

- Phòng Kế hoạch Kinh doanh – Xuất nhập khẩu – Tiếp thị có các chức năng chính như sau:
  - Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh;
  - Tổ chức và tiến hành công tác bán hàng, giao hàng (bao gồm cả xuất khẩu thành phẩm);
  - Tổ chức và tiến hành công tác thu mua, nhập khẩu hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

**Bộ phận chuyên viên**

- Bộ phận chuyên viên bao gồm các chuyên viên trong các lĩnh vực:
  - Chuyên viên hành chính, nhân sự;
  - Chuyên viên quản trị văn phòng;
  - Chuyên viên đào tạo;

Các thành viên của bộ phận chuyên viên phụ trách toàn bộ các hoạt động liên quan đến chuyên môn của mình trong Công ty.

**Ban bảo vệ**

- Ban bảo vệ chịu trách nhiệm công tác bảo vệ tài sản, kho tàng, của cải vật chất của toàn bộ Công ty.

**Phòng kỹ thuật**

- Phòng kỹ thuật chịu trách nhiệm về các khâu kỹ thuật, hoạt động của máy móc trong các dây chuyền sản xuất.

**Phòng KCS**

- Phòng KCS chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm theo từng công đoạn sản xuất và trước khi nhập kho thành phẩm.

**Xí nghiệp bao bì**

- Xí nghiệp bao bì sản xuất các chủng loại bao bì phục vụ cho việc đóng gói thành phẩm của Xí nghiệp cáp đồng.

**Xí nghiệp cáp đồng**

- Xí nghiệp cáp đồng sản xuất các loại cáp theo yêu cầu của Phòng Kế hoạch Kinh doanh – Xuất nhập khẩu – Tiếp thị.

***Xí nghiệp nấu đúc và cán kéo đồng***

- Xí nghiệp nấu đúc và cán kéo đồng là một xí nghiệp mới thành lập sau khi Công ty đầu tư dây chuyền nấu đúc và cán kéo đồng trong năm 2002. Xí nghiệp nấu đúc và cán kéo đồng sản xuất ra dây đồng có đường kính 2,6 mm làm nguyên liệu đầu vào cho Xí nghiệp cáp và/hoặc xuất bán cho các đơn vị khác.

***Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông***

- Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông sản xuất các sản phẩm phụ trợ cho dây cáp như cầu chì chống sét, hộp đấu nối cáp, măng sông cáp...v.v.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

**Bảng 4 – Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng
1	Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông	5.880.000	49%
2	VN enterprise investments ltd	696.000	5.80%
	<b>Tổng cộng</b>	6.576.000	54,8%

**5. Hoạt động kinh doanh****5.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm**

- Sản lượng sản phẩm qua các năm được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 5 – Sản lượng sản phẩm qua các năm**

	1999	2000	2001	9 tháng 2002
<b>I. Sản phẩm cáp và dây thông tin</b>				
- Sản lượng (km đôi dây)	332.336	378.823	597.434	650.000
% tăng sản lượng		14%	57,7%	8,8%
- Doanh thu (nghìn đồng)	116.370.977	118.939.685	167.948.894	183.009.765
% tăng doanh thu		2,2%	41,2%	9%
- Tỷ lệ trong tổng doanh thu	99,3%	99,2%	99,7%	99,1%
<b>II. Sản phẩm vật liệu viễn thông và sản phẩm khác</b>				
- Doanh thu	860.371	953.293	467.581	1.591.584
% tăng doanh thu		10,8%	-51%	240%
- Tỷ lệ trong tổng doanh thu	0,7%	0,8%	0,3%	0,9%
Tổng doanh thu	117.231.349	119.892.979	168.416.476	184.061.349
% tăng tổng doanh thu		2,3%	40,5%	9,3%

## 5.2. Chủn g loại và chất lượng sản phẩm

### Chủn g loại sản phẩm

- Sản phẩm sản xuất kinh doanh của Công ty hiện có thể chia thành các nhóm chủn g loại sau:
  - Cáp thông tin, bao gồm:
    - Cáp luồn cống có dầu dung lượng từ 1 đôi đến 1200 đôi, đường kính dây dẫn từ 0,4mm đến 1,2mm;
    - Cáp tự treo có dầu dung lượng từ 1 đến 600 đôi, đường kính dây dẫn từ 0,4mm đến 0,9mm;
    - Cáp nội đài dung lượng từ 1 đôi đến 200 đôi, đường kính dây dẫn 0,4mm và 0,5mm;
    - Cáp truyền số liệu dung lượng từ 1 đôi đến 50 đôi, đường kính dây đồng 0,9mm.
  - Dây thông tin, bao gồm:
    - Dây thuê bao ngoài trời đường kính dây dẫn 0,5mm và 0,65 mm; dây đồng bện xoắn 7x0,2mm; 11x0,2mm;
    - Dây thuê bao trong nhà đường kính dây dẫn 0,5mm;
    - Dây đấu nhảy 1x2x0,5mm;

- Sản phẩm vật liệu viễn thông:
  - Hộp chống sét 2 cực, 3 cực;
  - Hội phối cáp từ 10 đôi đến 50 đôi;
  - Tủ cáp từ 50 đôi đến 1200 đôi;
  - Măng sông cơ khí từ 50 đến 400 đôi;
  - Măng sông cơ nhiệt từ 50 đôi đến 600 đôi

### ***Chất lượng sản phẩm***

- Chất lượng sản phẩm cáp và dây thông tin của Công ty được sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn ngành số 68 TCN 132-1998 của Tổng Cục Bưu điện, được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn chất lượng cho phép sử dụng trên mạng viễn thông Việt Nam.

### **5.3. Nguyên vật liệu**

#### ***Chủng loại và nguồn nguyên vật liệu***

- Các nguyên vật liệu dùng trong sản xuất của Công ty bao gồm: đồng tấm, dây đồng, hạt nhựa bọc vỏ, hạt nhựa bọc ruột, hạt màu, băng myla, băng nhôm, chỉ phân nhóm, chỉ số 6, dầu nhồi, dây thép, băng in...v.v. Trong đó quan trọng nhất là dây đồng và hạt nhựa (chiếm 60%-70% chi phí nguyên vật liệu).

Cho đến nay, phần lớn các nguyên vật liệu này không được sản xuất được trong nước. Công ty phải thu mua qua nhập khẩu trực tiếp hoặc mua lại từ các đơn vị nhập khẩu khác.

Một số nguồn hàng chính như sau:

- Dây đồng: Công ty mua dây đồng chủ yếu từ các nhà cung cấp trong nước như CFT, Taya...v.v. và nhập khẩu một phần. Dự kiến từ năm 2003 trở đi, Công ty sẽ tự sản xuất được dây đồng do mới đầu tư và thành lập Xí nghiệp Nấu đúc và cán kéo đồng.

Thay cho dây đồng, Công ty sẽ nhập đồng tấm cathode. Đây là một loại nguyên liệu cơ bản được giao dịch rộng rãi trên thị trường thế giới (ví dụ sàn giao dịch LME tại London).

- Băng nhôm: Công ty nhập của Đức (Công ty Grandmascot), Malaysia
- Băng mila: Công ty nhập của Hàn quốc
- Chỉ phân nhóm: Công ty nhập từ Áo
- Hạt màu; Công ty nhập của Nhật (Công ty Sumitomo)
- Hạt nhựa bọc ruột, bọc vỏ: Công ty nhập của Thụy Điển (Công ty Borealis AB)

- Dầu nhồi cáp: Công ty mua của Công ty Total
  - Dây thép: Công ty nhập của của Hàn quốc (Công ty 3H)
- Các nguồn cung cấp hàng do đều trải qua quá trình giao dịch với Công ty lâu dài nên đã xây dựng được mức độ tin cậy và ổn định. Những nguyên liệu chính là những nguyên liệu cơ bản trên thị trường thế giới, nên khi cần thiết Công ty cũng có thể nhanh chóng tìm được các nguồn cung cấp hàng mới với giá cung cấp phù hợp.

#### ***Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu***

- Sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới hiệu quả hoạt động của Công ty được trình bày qua bảng sau:

**Bảng 6 – Tỷ lệ nguyên vật liệu trong giá vốn hàng bán**

Đơn vị tính: 1000 đồng

	1999	2000	2001	9 tháng 2002
Giá vốn hàng bán (1)	66.403.118	77.804.874	113.653.060	121.885.706
Chi phí nguyên vật liệu (2)	56.616.609	62.399.509	95.862.379	106.877.121
% ảnh hưởng của (2) đối với (1)	85,3%	80,2%	84,3%	87,7%
Chi phí nguyên vật liệu trung bình cho 1 km đôi dây	170,3	164,7	160,4	164,4

#### **5.4. Máy móc, trang thiết bị**

##### ***Tình trạng máy móc trang thiết bị***

- Máy móc trang thiết bị của Công ty hiện nay đang hoạt động tốt và ổn định. Ngoài dây chuyền nấu đúc và cán kéo đồng trị giá hơn 28 tỷ vừa được đầu tư mới 100% trong năm 2002, các máy móc trang thiết bị sản xuất khác của Công ty có giá trị còn lại trung bình khoảng từ 50% đến 60%.
- Sơ lược về các máy móc trang thiết bị theo dây chuyền như sau:
- Dây chuyền Davis: Dây chuyền này được Mỹ sản xuất năm 1974 và lắp đặt năm 1975. Công suất thiết kế ban đầu là 50.000 km đôi dây/năm. Sau nhiều lần được Công ty nâng cấp, năng lực sản xuất hiện nay vào khoảng trên 150.000 km đôi dây/năm.

Các máy móc thiết bị chính của dây chuyền gồm:

- Máy bọc cách điện Davis Ø 65

- Các máy xoắn đôi
- Máy ghép nhóm Edmands
- Máy bọc vỏ cáp Davis Ø 65

Giá trị còn lại trung bình của cả dây chuyền vào khoảng 10%.

- Dây chuyền Swisscab: Được lắp đặt mới 100% vào năm 1999. Đây là một trong những dây chuyền sản xuất cáp đồng viễn thông hiện đại của thế giới, điều khiển tự động. Sản phẩm sản xuất trên dây chuyền này đạt chuẩn của ngành cũng như các chuẩn REA PE89 của Mỹ, CW 1252 của Anh...v.v. Năng lực sản xuất của dây chuyền là 750.000 km đôi dây/năm.

Các máy móc thiết bị chính của dây chuyền gồm:

- Máy kéo ủ bọc cách điện liên hoàn Swisscab LCE 111
- Máy xoắn đôi, ghép nhóm sub-ubit 25 đôi Poutier
- Máy ghép nhóm SZ, bọc cáp liên hoàn Swisscab LCE 131

Giá trị còn lại trung bình của cả dây chuyền vào khoảng 52%.

- Dây chuyền nấu đúc và cán kéo đồng: Được lắp đặt mới 100% vào năm 2002; bao gồm máy móc thiết bị nấu đúc đồng của hãng Outokumpu (Phần Lan) sản xuất và máy móc thiết bị cán kéo đồng của hãng Niehoff sản xuất. Công suất thiết kế của máy móc thiết bị nấu đúc đồng là 5000 tấn/năm và của máy móc thiết bị cán kéo đồng là 10.000 tấn/năm.

### ***Trình độ công nghệ***

- Công nghệ sản xuất của Công ty so với những công ty lớn cùng ngành trong khu vực ở mức tương đương. Công nghệ sản xuất của các công ty như MMC –Úc, Hitachi Bangkok – Thái lan, Dongyang – Hàn Quốc, Vina Daesung – Việt Nam ...v.v. đều gồm một số bước công nghệ như sau:

- Bước 1 – Kéo, ủ bọc dây đồng đơn
- Bước 2 – Xoắn đôi dây đồng đơn thành các đôi dây
- Bước 3 – Ghép nhóm các đôi dây thành lõi cáp
- Bước 4 – Bọc vỏ cáp
- Bước 5 – Đo thử kiểm tra chất lượng thành phẩm
- Bước 6 – Đóng gói

Các bước này tương tự như công nghệ của Công ty đang áp dụng.

### ***Công suất khai thác bình quân***

Công suất khai thác bình quân các dây chuyền sản xuất của Công ty như sau:

- Năm 2000: 42%
- Năm 2001: 66%
- Dự kiến năm 2002: 99%

### 5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh

- Chi phí sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 7: Chi phí sản xuất phân theo yếu tố**

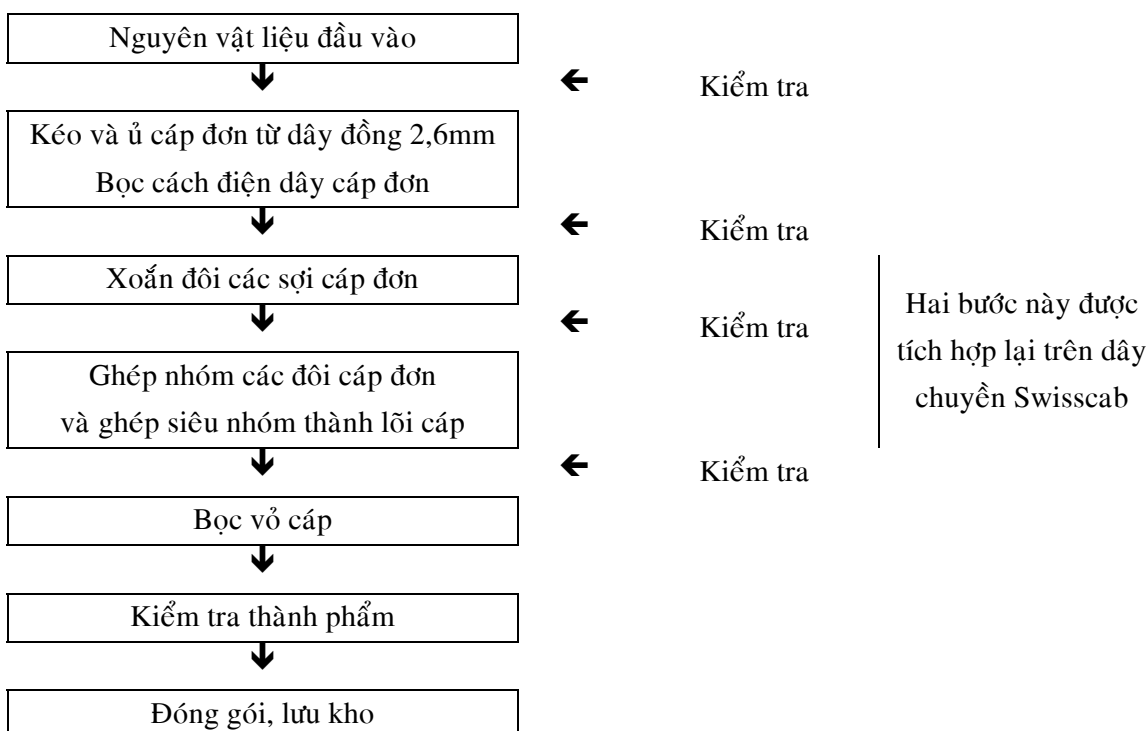
Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Yếu tố chi phí	2000	2001	9 tháng 2002
1	Chi phí nguyên vật liệu	62.399.509	95.862.379	106.877.121
2	Chi phí nhân công	3.582.676	4.016.231	6.751.112
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.411.650	17.543.049	14.696.154
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.832.100	9.091.276	9.581.594
5	Chi phí khác bằng tiền	4.593.170	5.898.554	3.719.118
	Tổng cộng	87.765.107	132.411.491	141.625.101

### 5.6. Quy trình sản xuất sản phẩm

- Quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty theo sơ đồ sau

**Hình 3: Quy trình sản xuất sản phẩm**



### 5.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển

- Hiện nay Công ty đang thực hiện một số công tác nghiên cứu phát triển sau:
  - Nắm bắt công nghệ nấu đúc và cán kéo đồng cathode để đảm bảo dây chuyền nấu đúc cán kéo đồng hoạt động ổn định, nâng cao hiệu quả sản xuất;
  - Nắm bắt thiết bị và công nghệ sản xuất vật liệu composite trong lĩnh vực viễn thông;
  - Nghiên cứu thiết kế và sản xuất cáp truyền số liệu;
  - Nghiên cứu thiết kế và sản xuất cáp chôn trực tiếp.

### 5.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Công ty đã xây dựng, lập văn bản và duy trì một hệ thống đảm bảo chất lượng để làm phương tiện đảm bảo rằng sản phẩm của mình phù hợp với các yêu cầu quy định; cũng như để chứng minh khả năng kiểm soát, duy trì mức chất lượng sản phẩm của mình.  
Từ tháng 6 năm 2000, hệ thống đảm bảo chất lượng của Công ty được tổ chức quốc tế AFAQ-ASCERT INTERNATIONAL kiểm chứng, đánh giá và chứng nhận đạt chuẩn quản lý chất lượng ISO 9002 (phiên bản 1994).

### 5.9. Hoạt động marketing

- Do đặc điểm sản phẩm cáp đồng là một hàng hoá công nghiệp nên các hoạt động và phương thức marketing của Công ty không phổ biến rộng rãi với đông đảo mọi người mà chỉ tập trung vào một số giới hạn đơn vị có nhu cầu sử dụng.

Công ty trước hết thông qua các việc làm cụ thể:

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm;
- Giá cả hợp lý;
- Giao hàng kịp thời tại chân công trình; và
- Cung cấp các dịch vụ sau bán hàng chu đáo;  
để tạo uy tín và marketing mình đối với các khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty rất coi trọng và thường xuyên giữ mối quan hệ tốt với các những khách hàng truyền thống của mình: tích cực tham gia các hội thảo, hội nghị...v.v, hỗ trợ các hoạt động phong trào của khách hàng để duy trì và phát triển hình ảnh của mình, thúc đẩy công tác bán hàng.

### **5.10. Biểu tượng (lô-gô) và nhãn hiệu thương mại của Công ty**

- Biểu tượng của Công ty có ba màu: đỏ, xanh và trắng; thể hiện tên giao dịch viết tắt Công ty và sản phẩm của Công ty. Biểu tượng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 1940/QĐ NH ngày 13/08/1998 do Phó Cục Trưởng Cục sở hữu công nghiệp cấp.

### **5.11. Thị phần và đối thủ cạnh tranh**

- Công ty ước tính hiện đang giữ khoảng 28%-29% thị phần thị trường dây cáp đồng dùng trong viễn thông của cả nước. Cơ cấu thị phần như đã trình bày trong phần II.2 – Thị trường, ngoài Công ty còn có 2 nhà cung cấp cấp chính khác:
  - Công ty Liên doanh Vina Deasung; và
  - Nhà máy Vật liệu Bưu điện I.

Hai nhà cung cấp này giữ khoảng 42%-45% thị phần thị trường. Khoảng 30% thị phần còn lại do các đơn vị sản xuất nhỏ khác trong nước, các nguồn nhập khẩu nắm giữ.

#### ***Công ty Liên doanh Vina Deasung***

- Công ty Liên doanh Vina Deasung có trụ sở và nhà máy sản xuất cáp đặt tại Yên viên – Gia lâm, Hà Nội, là một công ty liên doanh được thành lập năm 1992 giữa Công ty Deasung Hàn Quốc với Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Công ty Liên doanh Vina Deasung ước tính chiếm khoảng 29%-30% thị phần thị trường cáp đồng dùng trong viễn thông Việt Nam (sản lượng năm 2001 trên 600.000 km đôi dây).

Công ty Liên doanh Vina Deasung nhận chứng chỉ ISO 9002 vào năm 1998 và nhận chứng chỉ ISO 9001:2000 vào năm 2001.

#### ***Nhà máy Vật liệu Bưu điện I***

- Nhà máy Vật liệu Bưu điện I cũng đặt tại Yên viên – Gia lâm, Hà Nội, là một thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Nhà máy Vật liệu Bưu điện I dự kiến chiếm 12% -13% thị phần thị trường cáp đồng dùng trong viễn thông Việt Nam.

### **5.12. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện**

- Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện được trình bày trong bảng sau đây

**Bảng 8 – Các hợp đồng lớn đang được thực hiện tại 30/09/2002**

Đơn vị : 1000 đồng

Tên khách hàng	Giá trị còn đang thực hiện	Thời gian thực hiện
France cables & radio Vietnam Pte.,	12.857.213	2002
Bưu điện Cần thơ	11.054.690	2002
Công ty Vật tư Bưu điện I	5.778.717	2002
Công ty Cổ phần 3 T	5.592.167	2002
Công ty Vật tư Bưu điện II	5.432.595	2002
Công ty Camitel (Campuchia)	3.694.798	2002
Đại lý Kim Long	2.946.416	2002
Đại lý Hoàng Thảo	1.299.783	2002
Tổng cộng	48.656.382	

**6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất**

- Kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất được trình bày trong bảng dưới đây

**Bảng 9 - Kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất**

Đơn vị: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2001	9 tháng đầu năm 2002
1	Tổng giá trị tài sản	164.697.961	183.132.094	221.849.506
	% tăng giảm	6,2%	11,2%	21,1%
2	Doanh thu thuần	117.359.898	167.167.796	182.930.799
	% tăng giảm	8,9%	42,4%	9,4%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26.308.344	34.327.699	41.680.393
	% tăng giảm	-5,55%	30,5%	21,4%
4	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	52.299	503.830	5.229
5	Lợi nhuận từ hoạt động bất thường	3.290.456	-5.494	2.266.203
6	Lợi nhuận trước thuế	29.651.030	34.826.035	43.951.826
	% tăng giảm	-2,4%	17,4%	26%
7	Lợi nhuận sau thuế	29.556.632	34.826.035	43.951.826
	% tăng giảm	-2,4%	17,4%	26%
8	Lợi nhuận trả cổ tức	60%	55%	***

\*\*\*: Công ty chưa có quyết định chính thức về tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2002

**7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

- Xem phần II.3 Thị trường và phần VII.5.11 Thị phần và cạnh tranh

**8. Chính sách đối với người lao động**

- Tại thời điểm 30/09/2002, Công ty có tổng cộng 189 nhân viên, trong đó:

- Đại học và trên đại học: 64 người
- Cao đẳng: 10 người
- Trung cấp: 23 người
- Lớp 12: 92 người

Mức lương trung bình của mỗi nhân viên Công ty trong năm 2001 và 9 tháng đầu năm 2002 là trên 2,65 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách đối với người lao động theo Luật lao động của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam.

**9. Chính sách cổ tức**

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với số cổ phiếu phổ thông phần sở hữu mà cổ đông sở hữu.

Tỷ lệ cổ tức cổ phiếu phổ thông sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 06 tháng.

- Trong năm 2000, Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông là 15%. Năm 2001, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua mức chi trả cổ tức là 16% tính trên mệnh giá. Dự kiến mức cổ tức trong giai đoạn từ năm 2002 đến 2005 là từ 15% đến 16% tính trên mệnh giá.

## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Các chỉ tiêu cơ bản bao gồm các mục như tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định, mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên, các khoản nộp theo luật định, tỉ lệ trích lập các quỹ và tình hình công nợ hiện nay.

#### *Tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định*

- Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Công ty được áp dụng theo phương pháp đường thẳng, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 166/1999/QĐ/BTC ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Bộ Tài Chính.

Chi tiết thời gian khấu hao tài sản cố định áp dụng trong năm 2001 và năm 2002 như sau:

**Bảng 10 – Thời gian khấu hao tài sản cố định**

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao	
	Áp dụng trong năm 2001	Áp dụng trong Năm 2002
Nhà cửa vật kiến trúc	5-6 năm	5-6 năm
Phương tiện vận tải	4-6 năm	4-6 năm
Máy móc thiết bị	3-7 năm	3-7 năm
Lợi thuế thương mại	5 năm	5 năm
Quyền sử dụng đất		5 năm

#### *Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên*

- Năm 2001, tổng quỹ lương của Công ty là 4.016.231.772 đồng. Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động đạt 2,656 triệu đồng.
- 9 tháng đầu năm 2002, tổng quỹ lương của Công ty là 4.552.497.319 đồng. Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động đạt 2,676 triệu đồng.

#### *Các khoản nộp theo luật định*

- Công ty có nghĩa vụ thường xuyên với Nhà nước qua các khoản thuế sau:
  - Thuế giá trị gia tăng: Công ty sử dụng phương pháp khấu trừ và thuế suất áp dụng chi tiết như sau:
    - + Sản phẩm cấp : 10%
    - + Sản phẩm vật liệu viễn thông: 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25%. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận về ưu đãi đầu tư số 6813BKH/DN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ 01/01/1999 đến 31/12/2002 và giảm 50% từ 01/01/2003 đến 31/12/2004.
- Tính đến ngày 30/09/2002, tổng số thuế Công ty còn phải nộp nhà nước là 1.254.759.883 đồng.

### **Tỷ lệ trích lập các quỹ**

- Công ty tiến hành trích lập các quỹ đúng theo Điều lệ quy định. Theo điều lệ, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự phòng tài chính trước khi chi trả cổ tức hàng năm cho cổ đông. Mức trích quỹ dự phòng bằng 5% lãi sau thuế hàng năm. Việc trích quỹ dự phòng tài chính được thực hiện cho đến khi quỹ dự phòng bằng với 10% vốn điều lệ.
- Việc trích lập các quỹ khác do Đại hội Cổ đông thường niên hàng năm quyết định.

- Số dư các quỹ tại thời điểm ngày 30/09/2002 như sau:
  - Quỹ đầu tư phát triển: 31.002.530.337 đồng
  - Quỹ dự phòng tài chính: 5.773.742.505 đồng
  - Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm 1.762.956.282 đồng
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.281.069.882 đồng

### **Tình hình công nợ hiện nay**

- Tình hình công nợ của Công ty hiện nay như sau:
  - Các khoản phải thu của Công ty đến ngày 30/09/2002 không có khoản thu khó đòi. Tổng giá trị khoản phải thu khách hàng là 66.789.027.767 đồng.
  - Tổng các khoản phải trả và nợ của Công ty tại ngày 30/09/2002 là 48.126.830.392. Trong đó nợ dài hạn là 8.011.599.786 đồng; nợ ngắn hạn là 5.049.107.157 đồng.

## **10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty như sau

**Bảng 11: Các chỉ tiêu đánh giá tình hình kinh doanh**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>2000</b>	<b>2001</b>
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
- Tài sản cố định/Tổng tài sản (%)	46,03%	37,44%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	53,97%	62,56%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		

- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	16,15	5,49
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	11,32	3,83
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,25	0,54
- Khả năng thanh toán nợ dài hạn (lần)		
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	24,45%	20,76%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	17,95%	19,02%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	19,47%	23%

## 11. Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

### *Thành viên Hội đồng Quản trị*

#### 11.1 Ông Phạm Chương:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 650 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - Con Phạm Thế Anh: cổ phần nắm giữ: 33.090 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/05/1955
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 30D Cách Mạng Tháng Tám, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Bưu điện
- Quá trình công tác:
  - Trước 30/04/1975: Nhân viên Ban thông tin khu Đông Nam Bộ
  - Từ 30/04/1975 đến nay công tác tại Bưu điện Đồng Nai, kinh qua các chức vụ như trưởng phòng kế toán (1981); giám đốc Công ty Dịch vụ Cung ứng Vật tư Bưu điện (1987), Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh (1988), Giám đốc Bưu điện tỉnh (1989)
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
  - Giám đốc Bưu điện tỉnh Đồng Nai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**11.2 Ông Lê Ngọc Sỹ**

- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 5.880.000 cổ phần (gồm cả vốn cấp cho người lao động)
- Những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/09/1949
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 77 Hoàng Văn Thị, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.7 731 056
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh Tế
- Quá trình công tác :
  - 1976-1992: Chuyên viên Tài chính, Ban Kế toán Thống Kê Tài chính tại Tổng công ty Bưu chính Viễn thông
  - 1993-3/1996: Chuyên viên chính Tài chính tại Vụ Kinh Tế Kế Hoạch Tổng Cục Bưu điện
  - 4/1996-7/2001: Thành viên Ban Kiểm soát, TCT Bưu chính Viễn thông
  - 8/2001-nay: Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ TCT Bưu chính Viễn thông
  - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty SACOM
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty SACOM
  - Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ TCT Bưu chính Viễn thông
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**11.3 Ông Đỗ Văn Trác**

- Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 10.030 cổ phần
- Những người có liên quan:

- Vợ Trần Thị Kim Anh      cổ phần nắm giữ                      20.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:      Không có
  - Giới tính:      Nam
  - Ngày tháng năm sinh:      12/06/1953
  - Quốc tịch:      Việt Nam
  - Dân tộc:      Kinh
  - Quê quán:      Tỉnh Thái Bình
  - Địa chỉ thường trú:      70 Huỳnh Tịnh Của, Phường 8, Q.3, TP.HCM
  - Trình độ văn hóa:      10/10
  - Trình độ chuyên môn:      Kỹ sư Kinh Tế
  - Quá trình công tác:
    - Trước 1988:      Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán Công ty Công trình Bưu điện 2, TP.HCM.
    - 1988-1993:      Kế toán trưởng VTC (Xí nghiệp liên doanh sản xuất thiết bị viễn thông)
    - 1993-3/1995:      Kế toán trưởng nhà máy Sacom
    - 3/1995-1997:      Phó Giám đốc kinh doanh nhà máy Sacom
    - 3/1995-1997:      Phó Giám đốc kinh doanh Công ty Sacom
    - 3/1999 đến nay :      Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ công tác hiện nay:
- Tổng Giám đốc Công ty
  - Ủy viên HĐQT công ty VTC
  - Ủy viên HĐQT công ty Hassico
  - Chủ tịch HĐQT Cty Cổ phần nước khoáng SAMVI
- Hành vi vi phạm pháp luật:      Không

#### **11.4 Ông Vũ Đức Luận**

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty
- Số cổ phần nắm giữ:      6060 cổ phần
- Những người có liên quan:      Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:      Không có
- Giới tính:      Nam
- Ngày tháng năm sinh:      01/12/1945

- Nơi sinh: Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 31 Nguyễn Bình Khiêm, P.3, Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 064.852 100
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Viễn thông
- Quá trình công tác :
  - Năm 1969 -1975: Công tác tại Công ty công trình Bưu điện Hà Nội
  - 5/1975-nay: Công tác tại Bưu điện tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, kinh qua các chức vụ như Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Giám đốc Công ty điện báo thoại, Phó giám đốc Bưu điện tỉnh, Giám đốc Bưu điện tỉnh, Bí thư ban cán sự, Bí thư đảng ủy.
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Ủy viên HĐQT Công ty
  - Giám đốc Bưu điện tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### **11.5 Ông Hoàng Văn Quyền**

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty
- Số cổ phần nắm giữ:
- Những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/02/1945
- Nơi sinh: Campuchia
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 733 Cách Mạng Tháng Tám, P.6, Q. Tân Bình
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 8 293 147
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh Tế Bưu điện
- Quá trình công tác:
  - 1962-10/1966: Công tác phong trào
  - 1967-1975: Tài vụ Ban Thông tin Việt Nam Trung Ương Cục Miền Nam
  - 1975-nay: công tác tại Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty
  - Phó Giám đốc Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### 11.6 Ông Ngô Quang Thạch

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - Con gái Ngô Xuân Đào cổ phần nắm giữ 17.780 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/02/1947
- Nơi sinh: Tỉnh Bạc Liêu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tỉnh Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú: 174/2 Đường 3/2, Tp.Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 071.821 194
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh Tế Bưu điện
- Quá trình công tác :
  - Từ năm 1960-1975: tham gia chống Mỹ cứu nước
  - Từ 1975 đến nay: Công tác tại Bưu điện tỉnh Cần thơ
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty
  - Giám đốc Bưu điện tỉnh Cần Thơ

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### **11.7 Bà Phan Đình Phương Anh**

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 375.500 cổ phần
- Những người có liên quan:
 

Mẹ Nguyễn Thị Lệ Mỹ	cổ phần nắm giữ	340.130 cổ phần
Chị Phan Đình Trâm Anh	cổ phần nắm giữ	160.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/08/1977
- Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 164C Điện Biên Phủ, Phường 6, Q.3, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 8 213 161
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
  - Năm 2000:Hội viên Luật, Văn phòng luật sư Vovan & Associates
  - Năm 2001:Phó Giám đốc, Công ty Tư vấn Tài chính Thành Đạt
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty
  - Cán bộ Đầu tư, Công ty quản lý quỹ Mekong Capital
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### ***Thành viên Ban Kiểm soát***

### **11.8 Ông Nguyễn Quốc Gia**

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 500 cổ phần

- Những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/04/1941
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Số 1-T8.TT361- Yên Hoà Cầu giấy – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.7844888
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Kế hoạch
- Quá trình công tác:
  - Từ 8/1966 – 8/1995: Chuyên viên, Chuyên viên chính, Phó phòng chế độ kiểm tra Vụ Kế hoạch Tài vụ – Tổng cục Bưu điện.
  - Từ 9/1995 – 12/2001: Chuyên viên cao cấp, Phó trưởng Ban Kế toán Thống kê Tài chính, Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
  - Từ 1998 – 2001: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty.
  - Từ 03/2001 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Thành viên Ban kiểm soát SACOM
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### **11.9 Ông Tô Văn Thu**

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/05/1951
- Nơi sinh: Phường Tam Phú – Quận Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phường Tam Phú – Quận Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 46/6 Khu phố 2 - Phường Tam Phú – Quận Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 061.8.22740
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Giao thông Vận tải (KT Bưu điện)
- Quá trình công tác:
  - Từ 11/1976 đến nay công tác tại Bưu điện Đồng Nai, phòng Kế toán.
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Thành viên Ban kiểm soát Công ty
  - Kế toán trưởng Bưu điện Đồng Nai.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### **11.10 Ông Cao Văn Ích**

- Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/11/1961
- Nơi sinh: Nam Hải – Nam Trực – Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Hải – Nam Trực – Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 256 Phan Chu Trinh – Phường 2 – Thành phố Vũng Tàu – Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 064.852341
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Bưu điện
- Quá trình công tác:

- Từ nhỏ đến 1979 là học sinh phổ thông.
  - Từ 1979 – 1980 là Lưu học sinh Nga tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Thanh Xuân – Hà Nội
  - Từ 1980 – 1985 là sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Thông tin liên lạc Nô-vô-xi-bi-rsk Liên Xô (cũ)
  - Từ 1986 – 1994 là công nhân viên Bưu điện Bà Rịa – Vũng Tàu
  - Từ 1994 đến nay là Kế toán trưởng Bưu điện Bà Rịa – Vũng Tàu
  - Từ 03/2001 đến nay là thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SACOM
- Chức vụ công tác hiện nay:
- Thành viên Ban kiểm soát SACOM
  - Kế toán trưởng Bưu điện Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

***Thành viên Ban điều hành***

**Ông Đỗ Văn Trắc**

- Tổng Giám đốc  
(Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

**11.11 Ông Phạm Ngọc Cầu**

- Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 17.860 cổ phần
- Những người có liên quan:
- |                    |                 |               |
|--------------------|-----------------|---------------|
| Vợ Nguyễn Thị Xinh | cổ phần nắm giữ | 5.290 cổ phần |
|--------------------|-----------------|---------------|
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/09/1963
- Nơi sinh: Nhon Khánh, An Nhơn, Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nhon Khánh, An Nhơn, Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 162/21 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0913870769

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vô tuyến điện thông tin, kỹ sư quản lý kinh tế công nghiệp
- Quá trình công tác:
  - 1986-1987: Kỹ sư Phòng quản lý kỹ thuật Nhà máy vật liệu Bưu điện 2
  - 1987-1990: Phó quản đốc phân xưởng dây thông tin
  - 1991-1992: Quyền quản đốc phân xưởng cáp
  - 1992-1997: Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ
  - 1997-1998: Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
  - 1998- đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

#### **11.12 Bà Phạm Thị Lợi**

- Kế toán trưởng, trưởng phòng Kế toán Thống kê – Tài chính Công ty
- Số cổ phần nắm giữ: 12.600 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - Chồng Nguyễn Văn Quang    cổ phần nắm giữ:            20.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/07/1960
- Nơi sinh: Thị xã Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trung Lãng, Minh Đức, Hải phòng
- Địa chỉ thường trú: 132/1B/C26 Tô Hiến Thành Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 5122918
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
  - 1980-1988: Kế toán thanh toán Bưu điện tỉnh Hoàng Liên Sơn

- 1989-1991: Học tại trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội
  - 1992-1995: Kế toán Tổng hợp – Phó phòng Kế toán Nhà máy cáp và vật liệu viễn thông
  - 1996-1997: Kế toán trưởng Nhà máy cáp và vật liệu viễn thông
  - 1998- nay: Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ công tác hiện nay:
- Kế toán trưởng, trưởng phòng Kế toán Thống kê – Tài chính Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

## **12. Tài sản**

- Các tài sản chính của Công ty tính đến thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2002 như sau:

**Bảng 12** – Danh mục tài sản cố định chính của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 30/09/2001
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>			
Nhà xưởng cấp mở rộng + Mái lợp + Nền xưởng	1	3.570.059	1.809.242
Nhà xưởng dây đồng	1	1.711.541	1.625.964
Máy kéo ủ liên hoàn LCE111	1	28.969.129	15.346.741
Máy ghép nhóm SZLCM 109/25	1	12.671.470	6.712.862
Máy ghép nhóm và bọc vỏ liên hoàn LCE 131	1	32.213.045	17.065.244
Máy ép nóng composite 450 tấn	1	2.504.174	2.356.221
Thiết bị dây chuyền nấu đúc cán kéo đồng	1	23.560.840	22.579.138
<b>Tài sản cố định vô hình</b>			
Quyền sử dụng đất		2.379.350	1.546.577
Lợi thế thương mại		5.035.111	844.823
<b>Tổng cộng</b>		<b>112.614.719</b>	<b>69.886.812</b>

**13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 3 năm tới****Bảng 13** – Dự kiến các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty

	2003		2004		2005	
	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2002*	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2003	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2004
Doanh thu thuần	299.00		350.000	17%	400.000	14,3%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	51.000		53.000	4%	55.000	3,7%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	17%		15,1%		13,75%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	25%		24%		24%	
Tỷ lệ cổ tức (%)	15-16%		15-16%		15-16%	

Ghi chú:

\* : do chưa kết thúc năm tài chính 2002, nên không tính toán việc so sánh với năm 2002

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn của Công ty**

- Định hướng trở thành công ty đứng đầu về cáp và vật liệu viễn thông tại Việt Nam và tiến tới thâm nhập thị trường trong khu vực, Công ty đề ra chiến lược và kế hoạch kinh doanh như sau:

**14.1 Kế hoạch kinh doanh ngắn hạn**

- Phấn đấu đạt doanh thu trên 235 tỷ trong năm 2002 và đạt mức 300 tỷ trong năm 2003; lợi nhuận sau thuế trên 50 tỷ trong năm 2003.
- Cấu trúc lại tổ chức Công ty, chuẩn bị thành lập thêm Xí nghiệp sản xuất cáp mới khi đầu tư thêm dây chuyền sản xuất cáp viễn thông và cáp mạng Lan.
- Chuẩn bị nhà xưởng Xí nghiệp sản xuất cáp mới trên diện tích 8000 m<sup>2</sup> mặt bằng do tỉnh Đồng Nai vừa giao.
- Đầu tư thêm 2 dây chuyền sản xuất cáp (giá trị đầu tư 838.212 USD và 620.000 USD) để có thể khai thác cơ hội thị trường hiện nay; đưa công suất từ 900.000 km đôi dây/năm lên 1.500.000 km đôi dây/năm
- Khấu hao nhanh máy móc trang thiết bị và tăng cường hiệu quả sản xuất để khi mở cửa thị trường có thể cạnh tranh bằng giá và thu lợi nhuận theo quy mô sản xuất lớn.
- Xây dựng cơ chế tiền lương mới đảm bảo khuyến khích người lao động và tăng cường hiệu quả kinh doanh
- Đẩy mạnh việc xuất khẩu sang Campuchia và tiếp cận thị trường Lào.
- Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới: cáp mạng Lan, các sản phẩm composit, vật liệu viễn thông ...vv trong ngành viễn thông để đón đầu khi thị trường trong nước phát triển trong tương lai.

**14.2 Kế hoạch kinh doanh dài hạn**

- Duy trì hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh cáp đồng.
- Phát triển và đưa các sản phẩm
  - Dây đồng 2,6 mm và 8 mm của Xí nghiệp nấu đúc cán kéo đồng
  - Cáp mạng LAN của Xí nghiệp sản xuất cáp
  - Các sản phẩm vật liệu viễn thông của Xí nghiệp Vật liệu viễn thông thành sản phẩm đóng góp doanh thu chính của Công ty
- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận và phát triển nguồn vốn nhanh.
- Tăng cường mở rộng thị trường trong nước cũng như khu vực và thế giới.

**15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành**

- Không có.

**VIII. PHỤ LỤC**

1. Danh mục địa chỉ nơi cung cấp Bản cáo bạch.
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động.
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2000, 2001, 9 tháng đầu năm 2002
4. Báo nguồn vốn kinh doanh được kiểm toán tại thời điểm 30/09/2002
5. Nghị quyết của Đại Hội Cổ đông về việc phát hành bổ sung

Đồng Nai, ngày ..... tháng ..... năm 2002

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**PHẠM CHƯỜNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Ông Lê Ngọc Sỹ** : .....

**Ông Đỗ Văn Trác** : .....

**Ông Vũ Đức Luận** : .....

**Ông Hoàng Văn Quyền** : .....

**Ông Ngô Quang Thạch** : .....

**Bà Phan Đình Phương Anh** : .....

**ĐẠI DIỆN BAN KIỂM SOÁT:**

**Ông Tô Văn Thu** : .....